

## CÔNG TÁC TU BỔ DI TÍCH - THỰC TIỄN VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

ĐOÀN BÁ CỬ

**D**i tích lịch sử - văn hoá - một phần trọng yếu của di sản văn hoá vật thể Việt Nam có vai trò to lớn trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước ta trong quá trình hội nhập và phát triển. Chính vì thế, công tác tu bổ di tích luôn phải đồng thời coi trọng bảo tồn và phát huy giá trị trong hiện tại và tương lai của đất nước.

Tuy nhiên, những nỗ lực to lớn nhất của nhà nước nhằm bảo tồn di sản văn hoá nước nhà mới thực sự bắt đầu từ giữa thập kỷ 90 của thế kỷ XX. Và, những xung đột giữa bảo tồn và phát triển mới thực sự mạnh mẽ từ đầu thế kỷ XXI. Nhờ sự quan tâm của Đảng, nhà nước và nhân dân, công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá nói chung, di tích lịch sử - văn hoá nói riêng đã đạt được nhiều tiến bộ và nhiều thành quả to lớn. Bức tranh thực tiễn phong phú đa sắc diện, tươi sáng, song đan xen vẫn còn đường nét và mảng tối cần được tu chỉnh nâng cao. Người viết bài này chỉ xin phép đi vào một số vấn đề:

Một là, nhận thức và trách nhiệm của các ngành, các cấp từ trung ương, địa phương tới nhân dân về vai trò, ý nghĩa và nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hoá nói chung và tu bổ di tích nói riêng ngày càng được nâng cao. Khi di tích bị xuống cấp, bị vi phạm hoặc được tu bổ không đúng thì được các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin, nhân dân cả nước quan tâm theo dõi. Công việc tu bổ di tích đã vượt ra ngoài phạm vi ngành, phạm vi từng địa phương có di tích để vươn tới tầm quốc gia ở nhiều lĩnh vực chính trị,

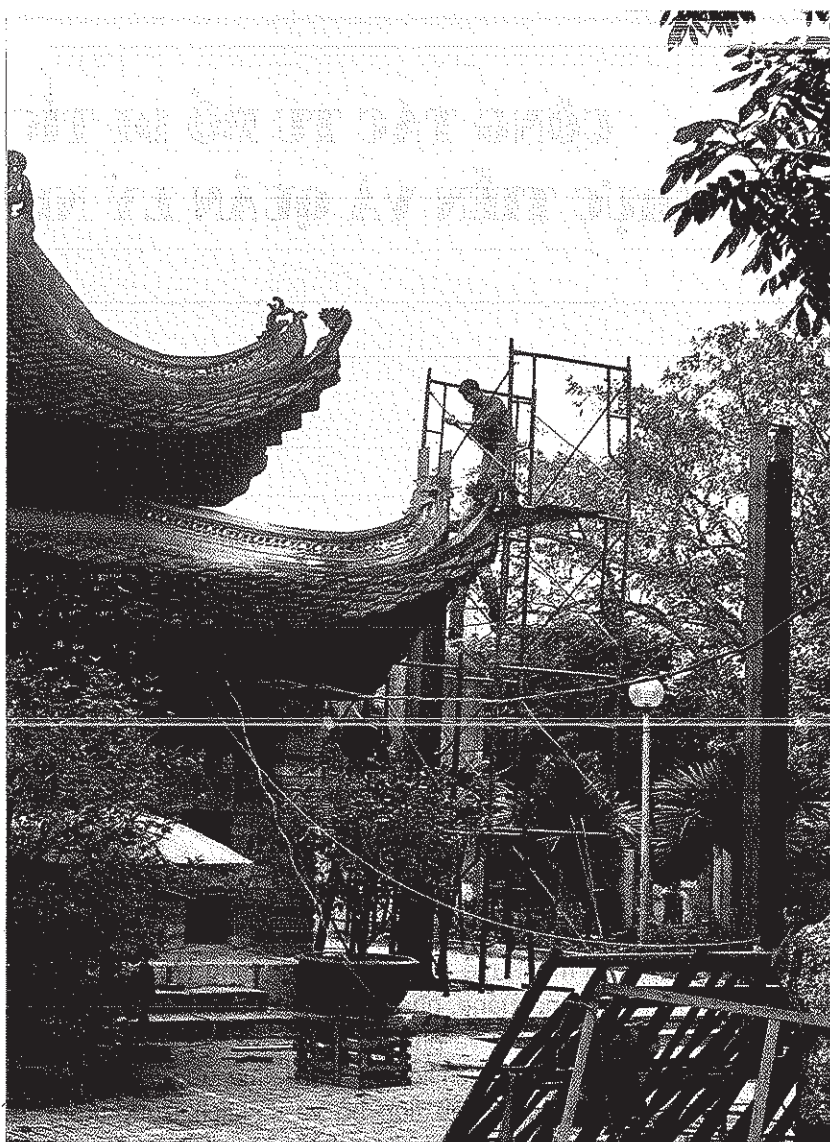
văn hoá, kinh tế, xã hội.... Hai năm vừa qua có lẽ là đỉnh điểm của những tranh luận trên báo chí và hội nghị. Người Việt chúng ta thường không dễ thuyết phục về học thuật chuyên môn hoặc tâm linh tín ngưỡng. Nhưng việc tiếp thu hoặc giải thích, tranh luận, phản biện đúng đắn của cơ quan hữu trách trong từng trường hợp đều có khả năng làm nhận thức và thực tế công tác tu bổ di tích được nâng cao. Đây chính là một vấn đề cần được khuyến khích và quan tâm của quản lý nhà nước về văn hoá.

Hai là, nguồn lực và lực lượng tham gia vào công tác tu bổ di tích đều có bước phát triển mạnh mẽ. Ngân sách trung ương, địa phương và các nguồn vốn xã hội khác đều tăng cao. Về lực lượng, đầu thập kỷ 90 chỉ có Công ty Tu bổ di tích Trung ương và một hai đơn vị khác, đến nay hàng trăm đơn vị tư vấn và thi công tham gia vào công tác tu bổ di tích, số lượng đơn vị có đăng ký kinh doanh tu bổ di tích còn lớn hơn nhiều. Đó là sự tăng trưởng về số lượng. Tuy nhiên, sự bột phát ấy không dễ gì kéo theo sự phát triển về chất lượng. Nhiều đơn vị có chức năng nhưng rất ít đơn vị đủ năng lực trình độ chuyên ngành. Tu bổ di tích không bao giờ là một ngành kinh tế để có thể tăng đầu tư, tăng doanh nghiệp, nhập thiết bị để đưa đến sự tăng trưởng trong một thời gian ngắn. Làm văn hoá, là ngành đặc thù, sự đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu, truyền nghề chỉ thực hiện được với nhiều điều kiện và đều cần nhiều thời gian. Trình độ thực hiện khác nhau thì chất lượng tu bổ di tích khác nhau. Có nhiều di tích được tu bổ tốt, có tốt vừa, có chưa tốt lắm và có nhiều di tích bị

suy giảm, tổn thất giá trị sau tu bổ là hệ quả thấy trước được. Nhiều ý kiến đề nghị giãn, hoãn, thậm trọng hơn trong đầu tư tu bổ di tích, không phục hồi, phục dựng phết tích hoặc thực hiện dự án liên quan không phải là không có lý. Thực tiễn trên đây là một vấn đề phải quan tâm trong quản lý nhà nước về văn hoá, trong “chọn mặt gửi vàng” của tiền nhân để lại cho thế hệ chúng ta.

Ba là, những năm cuối của thế kỷ XX, các dự án liên quan đến di tích chưa nhiều, các dự án đầu tư tu bổ di tích thường mới đặt sự quan tâm chủ yếu vào chống xuống cấp, bảo tồn các hạng mục chính yếu của di tích, cùng lắm mới mở rộng đến giải phóng mặt bằng trả lại khuôn viên xưa hoặc tôn tạo ít nhiều toàn khu vực di tích. Mâu thuẫn phải giải quyết bấy giờ chủ yếu giữa khả năng nguồn vốn

đầu tư với nhu cầu phải tu bổ và mâu thuẫn giữa các quan điểm, giải pháp theo truyền thống hoặc khoa học hiện đại, hoặc giữa bảo tồn và tôn tạo để phát huy tác dụng. Gần đây, với sự phát triển của kinh tế xã hội, các quy hoạch vùng lãnh thổ, quy hoạch đô thị, các dự án liên quan, các dự án đầu tư bảo tồn tôn tạo di tích đã tích hợp nhiều mục tiêu và nội dung rộng lớn hơn. Các mâu thuẫn cũ không hề mất đi và đã phát triển thêm nhiều mâu thuẫn mới. Điều đó có ý nghĩa là đòi hỏi về phối hợp liên ngành và trình độ từ người quản lý đến người thực hiện những công việc kể trên phải cao hơn để tìm giải pháp hài hoà giữa bảo tồn và phát



Tu bổ di tích chùa Kim Liên, Hà Nội - Ảnh: C.T.V

triển, giữa kinh tế và văn hoá, giữa truyền thống và hiện đại, nhưng thực tế chưa được như vậy. Kho tàng di tích lịch sử - văn hoá của chúng ta dẫu lớn về số lượng và loại hình nhưng hầu hết đều nhỏ bé về quy mô, mỏng manh và rất dễ bị thương tổn, thậm chí mất đi không lấy lại được.

Bốn là, công tác quản lý nhà nước về tu bổ di tích những năm qua có nhiều tiến bộ. Từ khi có *Luật di sản văn hoá*, các hoạt động bảo tồn tu bổ di tích và dự án liên quan dần đi vào khuôn khổ quy định. Những mâu thuẫn, bất cập khi áp dụng *Luật di sản văn hoá* vào thực tiễn đã được giải quyết một phần qua *Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật di sản văn*



hóa cùng hệ thống các văn bản quy định và hướng dẫn thi hành đang được lần lượt ban hành. Công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên ngành cho người quản lý và người thực hiện tu bổ di tích cũng được lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản văn hóa đẩy mạnh và thu được nhiều thành quả hơn. Hoạt động tu bổ di tích đang từng bước tuân thủ các quy định của pháp luật và đi vào nề nếp. Việc phân cấp quản lý và thẩm định về chuyên môn với các dự án được đầu tư từ ngân sách nhà nước được thực hiện khá chặt chẽ; vai trò của ngành Di sản văn hoá và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các địa phương được nâng cao và vì thế chất lượng thiết kế, thi công tu bổ di tích từ ngân sách nhà nước cơ bản đạt yêu cầu về khoa học và pháp lý. Tuy nhiên, từ tất cả những vấn đề về nhận thức, nguồn lực và lực lượng, độ phức tạp của vấn đề phải giải quyết và sự lẫn lộn, bất cập trong quản lý theo hai hệ thống *Luật đầu tư xây dựng* và *Luật di sản văn hóa* đã phân tích trên đây, cùng vai trò thực tế của những nhà tu hành, người phát tâm công đức, nhà tài trợ chưa được hướng dẫn, kiểm soát đủ mức cần thiết dẫn đến tình trạng di tích biến dạng, mất mát nhiều yếu tố gốc, tu bổ xa nguyên tắc khoa học vẫn còn khá phổ biến. Nếu như những năm cuối thế kỷ XX mới phổ biến là đưa gạch men vào bề tượng, nền di tích và sự xâm lăng của các tượng “Quan Âm bạch y”, thì những năm vừa qua lại phổ biến sự xâm lăng của các sư tử đá, “bảo tháp”..., nâng toà, xa lạ với di tích gốc và truyền thống văn hoá Việt Nam.

Thực tiễn trên cho thấy, công cuộc tu bổ bảo tồn di tích những năm qua đã cơ bản hoàn thành giai đoạn chống xuống cấp để chuyển sang giai đoạn củng cố và phát triển mới. Chúng ta đạt nhiều thành tựu to lớn và vẫn còn những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm về bảo tồn di tích. Vài phân tích thực tiễn trên đây đã hàm chứa kiến nghị về quản lý nhà nước giai đoạn tới. Sau đây, chúng tôi xin đề xuất thêm một số kiến nghị cụ thể hơn, đó là:

- Kho tàng hơn 3.000 di tích xếp hạng quốc gia và di sản văn hoá thế giới, hơn 5.000 di tích xếp hạng bảo vệ cấp tỉnh, gồm nhiều loại hình và có giá trị, đặc điểm không giống nhau. Trong một cấp xếp hạng có những di tích giá trị vật

thể rất đặc biệt, rất cao, nhưng ở nhiều di tích giá trị nổi lên chính là ở lĩnh vực tưởng niệm, tôn vinh, là phi vật thể chứ chưa phải là vật thể.

Không nên và khó có thể chỉ có 2 khung quy định nguyên tắc giống nhau nghiêm ngặt với công cuộc tu bổ hơn 8.000 di tích xếp hạng kể trên, chưa kể đến việc áp dụng cho cả 40.000 công trình có dấu hiệu di tích đã được kiểm kê nhưng chưa được xếp hạng. Ngoài các di sản văn hoá thế giới và 10 di tích quốc gia đặc biệt đã được xếp hạng, nhà nước cần sớm phân hạng, lựa chọn những di tích quan trọng khác, đặc biệt là những di tích tiêu biểu về giá trị kiến trúc - nghệ thuật, di tích còn tương đối nguyên gốc, di chỉ khảo cổ có giá trị tiêu biểu để giới hạn việc thực thi toàn vẹn việc quản lý tu bổ, bảo tồn theo các nguyên tắc khoa học hiện đại, nhằm giữ gìn và phát huy “tinh xác thực”, toàn vẹn của di tích, coi đó là sự tập trung trí lực để bảo trọng tài sản văn hoá cho đời sau.

- Di tích Việt vốn không nhất thành bất biến. Mỗi thời đều để lại dấu ấn vào di tích. Vấn đề là những biến động phù hợp với dòng chảy lịch sử văn hoá truyền thống và phát huy giá trị hay không. Với những di tích xếp hạng bảo vệ cấp tỉnh và quốc gia còn lại, nên cho phép tôn tạo hài hoà, cởi mở nhất định theo dòng truyền thống, dưới sự quản lý nhà nước để tránh ảnh hưởng bởi văn hoá lạ, ngoại lai đồng thời để di tích gắn kết cộng đồng cư dân hơn nữa và đáp ứng yêu cầu phát triển của thời đại mới.

- Việc quản lý nhà nước với các di tích trên đây chỉ nên phân biệt khác nhau bởi giá trị của di tích chứ không nên phân biệt bởi giá trị đầu tư và tổng mức đầu tư như của công trình xây dựng.

Xét cho cùng, bảo tồn có mục đích khoa học, nhưng chuyển tiếp để hướng tới tương lai mới là quan trọng. Tu bổ di tích cần những nguyên tắc ứng xử về phương pháp vừa truyền thống vừa khoa học hiện đại. Không thể vô tư “sáng tạo” để tôn tạo đến mất gốc, cũng không thể chỉ tụng kinh nguyên tắc bảo tồn để hoá cứng, đông lạnh di sản văn hoá Việt Nam. Đó là bài toán mà ngành Di sản văn hoá Việt Nam đã làm, đang làm và tin tưởng chắc chắn sẽ làm tốt hơn ngay từ năm 2011./.